TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1137/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 13/12/2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các thẩm phán: 1/ Bà Đặng Thị Bích Loan
2/ Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24/10/2017 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 492/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2718/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 15/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6790/2017/QĐ-PT ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Bà La nhựt H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Đường L, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường V, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà La nhựt H trình bày:

Bà và ông Lê Văn B tự nguyện chung sống vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Đến tháng 11/2016 thì không sống cùng nhau nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 14/11/1994 và Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày về quá trình chung sống và đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 14/11/1994 và Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003. Ông đồng ý giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông B yêu cầu chia ½ tiền bán căn nhà 267/37 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4 là 600.000.000 đồng và ½ tiền bán xe du lịch là 140.000.000 đồng và 300.000.000 đồng là ½ số tiền ông và bà H cho bà Đ mượn. Tổng cộng là 1.040.000.000 đồng. Riêng căn nhà đang ở số 81 Lê Văn Linh, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 492/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 9; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà La nhựt H.

Về quan hệ hôn nhân: bà La nhựt H được ly hôn với ông Lê Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2001 do Ủy Ban nhân dân Phường 3, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/3/2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thanh H (sinh ngày 14/11/1994) và Lê Thanh T (sinh ngày 05/9/2003). Giao trẻ Lê Thanh T (sinh ngày 05/9/2003) cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H chưa yêu cầu chia nên Tòa án không xem xét.

Không chấp nhận việc ông B yêu cầu chia ½ tiền ông và bà H đã bán căn nhà 267/37 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4 là 600.000.000 đồng và ½ tiền đã bán xe du lịch là 140.000.000 đồng và 300.000.000 đồng là ½ số tiền ông và và H cho bà Đ mượn, tổng cộng là 1.040.000.000 (một tỷ không trăm bốn mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 16/9/2017, ông Lê Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 492/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 21/11/2017 ông Lê Văn B rút một phần đơn kháng cáo với nội dung: ông kháng cáo phần án phí dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông phải nộp số tiền là 52.000.000 đồng, ông xin rút kháng cáo về ly hôn, phần nuôi con và phần tài sản và các phần có liên quan khác có trong vụ án. Do tài sản chung ông yêu cầu không được chia nhưng cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu một phần án phí này. Ông B không đồng ý và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà La nhựt H có đơn xin xét xử vắng mặt tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà thay đổi bà xin được tham gia phiên tòa. Bà không rút đơn khởi kiện và những phần liên quan đến bà. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày : Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết một phần kháng cáo của ông về án phí dân sự sơ thẩm số tiền 52.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải nộp đối với phần yêu cầu chia tài sản của ông nhưng không được chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm" tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: xét việc rút một phần đơn kháng cáo của ông Lê Văn B là phù hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người khác nên chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn B. Đối với yêu cầu xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm 52.000.000 đồng của ông B, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông Lê Văn B nhưng lại buộc ông B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng với quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn B, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức : Sau khi xét xử sơ thẩm ông Lê Văn B kháng cáo toàn bộ bản án số 492/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 21/11/2017 ông Lê Văn B rút một phần kháng cáo của bản án. Ông kháng cáo yêu cầu xem xét về phần án phí mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải nộp với số tiền 52.000.000 đồng. Các nội dung khác không có kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, cấp phúc thẩm không xét.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 38 Quyển số 01, do Ủy Ban nhân dân Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/6/2001 cho ông Lê Văn B và bà La nhựt H thì hôn nhân giữa ông B và bà H là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống có hai con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 14/11/1994 và Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn B yêu cầu xem xét lại số tiền 52.000.000 đồng án phí mà cấp sơ thẩm đã buộc ông phải chịu. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

Trong quá trình giải quyết và tại bản án sơ thẩm đã xác định : Về tài sản chung ông B có yêu cầu chia ½ tiền bán căn nhà 267/37 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4 là 600.000.000 đồng và ½ tiền bán xe du lịch là 140.000.000 đồng và 300.000.000 đồng là ½ số tiền ông và bà H cho bà Điệp mượn. Tổng cộng là 1.040.000.000 đồng. Riêng căn nhà đang ở số 81 Lê Văn Linh, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy số tiền bán căn nhà 267/37 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh bà H đã lấy số tiền đó để xây sửa căn nhà số 81 Lê Văn Linh, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Về số tiền bán xe du lịch và số tiền cho bà Đ mượn do chưa đầy đủ chứng cứ nên không đủ cơ sở để chấp nhận và căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên do yêu cầu của ông Lê Văn B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí đối với tài sản 1.040.000.000 đồng ông yêu cầu

là 52.000.000 đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007547 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, ông B phải nộp thêm 25.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 quy định các đương sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.

Do vụ án thụ lý trước 01/01/2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để áp dụng tính tiền án phí là đúng nhưng buộc ông Lê Văn B phải chịu án phí do yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận và chưa áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *" ...Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm…".* Vì vậy, buộc ông B phải chịu án phí cho yêu cầu chia tài sản của ông là chưa phù hợp.

Ngoài ra tại bản án sơ thẩm :

Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi trẻ Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, ông B có ý kiến đồng ý giao trẻ T cho bà H trực tiếp nuôi dạy và không cấp dưỡng. như vậy, cả hai đương sự thống nhất không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu, nhưng bản án sơ thẩm tuyên " Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận" là chưa phù hợp. Cần phải sửa phần này là tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông B do bà H không yêu cầu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Lê Văn B yêu cầu về phần án phí là có cơ sở chấp nhận, nghĩ cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309 ; Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 53; Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008.

Tuyên xử:

1/ chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn B.

2/ Sửa một phần bản án sơ thẩm số 492/2017/HNGĐ-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quan hệ hôn nhân: Bà La nhựt H được ly hôn với ông Lê Văn B

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy Ban nhân dân Phường 3, quận 4 cấp ngày 16/3/2003 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Thanh H, sinh ngày 14/11/1994 và Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003. Giao trẻ Lê Thanh T, sinh ngày 05/9/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông B do bà H không yêu cầu.

Ông B có quyền và nghĩa vụ chăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Nhưng không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B xác nhận không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà La nhựt H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số 02937 ngày 09/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà H đã nộp đủ.

Ông Lê Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu tiền số AG/2014/0007547 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm hoàn lại cho ông Lê Văn B số tiền 300.000 (B trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai số AG/2014/0008071 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 4;
- TAND Quận 4;
- UBND Quận 4;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương